

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- 000-----



GIÁO SƯ - TIẾN SỸ KHOA HỌC NGUYỄN VĂN HỘ

XÃ HỘI HỌC GIÁO DỤC

HÀ GIANG, NGÀY 27/6/2004

Phần I

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA XÃ HỘI HỌC

I. Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học

1. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học

Đối tượng nghiên cứu của xã hội học (XHH) là xã hội loài người, trong đó quan hệ xã hội (tương quan xã hội) được xuất phát từ con người xã hội (XH) và được biểu hiện thông qua các sinh hoạt XH, lao động và hành vi XH giữa người với người.

- Tìm hiểu tính quy luật trong quan hệ giữa người với người (trong gia đình, bạn bè, cộng đồng). Tính quy luật ấy còn được gọi là hình thái biểu hiện XH do con người XH và vì con người XH. Trong cùng một tình huống, tùy thuộc vào vị thế XH mà có cách ứng xử khác nhau.

- Tìm hiểu hệ thống XH, cơ cấu XH (mối quan hệ giữa cá nhân trong tương quan XH với nhóm, với cộng đồng diễn ra như thế nào).

+ Tìm hiểu nhóm cộng đồng (giai cấp, dân tộc, tôn giáo, giới tính, lứa tuổi, trình độ văn hoá...). Các chuẩn mực, giá trị, thiết chế XH, bản sắc văn và những khuôn mẫu, chuẩn mực hành động xã hội của mỗi nhóm người).

2. Quan hệ giữa XHH với các khoa học khác: là một khoa học thuộc hệ thống khoa học xã hội, XHH liên quan mật thiết đến nhiều khoa học trong hệ thống khoa học XH như Triết học, Tâm lý học, Nhân chủng học

- Chủ nghĩa duy vật lịch sử là cơ sở chung của XHH - là phương pháp luận cơ bản khi xem xét, đánh giá các hiện tượng xã hội.

(Vận dụng quan điểm duy vật biện chứng về XH và phát triển XH; vận dụng các phạm trù, khái niệm của chủ nghĩa duy vật lịch sử để xem xét, phân tích, rút ra các kết luận về các vấn đề tương quan trong XHH).

- Các hệ thống khác nhau của những quan hệ XH và các lĩnh vực, các mặt khác nhau của đời sống XH cũng trở thành đối tượng của các chuyên ngành XHH khác nhau: XHH nông thôn, XHH đô thị, XHH giới, XHH giáo dục, XHH tội phạm v.v...

- XHH nghiên cứu cụ thể những hình thức quan hệ XH như lối sống, đời sống cá nhân, cơ cấu XH, những lĩnh vực của đời sống XH như sinh hoạt văn hoá, gia đình, giáo dục, dân số, dân cư v.v...

- Các khoa học khác có liên quan đến XHH như:

+ Khoa học chính trị (nghiên cứu về quyền lực, quản lý XH)

+ Kinh tế học (nghiên cứu về sản xuất, phân phối, tiêu dùng, hàng hoá và dịch vụ)

+ Nhân chủng học bao gồm khảo cổ học (nghiên cứu những gì còn lại của nền văn minh đã mất).

+ Ngôn ngữ học (nghiên cứu về tiếng nói và chữ viết)

+ Nhân chủng học tự nhiên (nghiên cứu về quá trình tiến hoá của nhân loại về mặt vật chất).

+ Nhân chủng học XH và văn hoá (nghiên cứu về văn hoá học và nghiên cứu các phương thức sống của các cộng đồng trên thế giới).

Trong quá trình nghiên cứu XHH có 3 yếu tố thường gây khó khăn đó là:

+ Tính chất phức tạp về nội dung XH với ý nghĩa là đối tượng nghiên cứu XHH.

+ Tính chất đa dạng, phức hợp trong các lĩnh vực văn hoá, xã hội.

+ Tính chất vận động và phát triển (tính chất động) của các phương pháp, giải pháp đối với các vấn đề XH (khác với khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật).

3. Cơ cấu XHH: Tất cả các khoa học nghiên cứu về XH (đều lấy XH làm đối tượng nghiên cứu) đều là những khoa học XH, trong đó có XHH. Song, không phải mọi khoa học xã hội đều là XHH.

Các khoa học về XH như Triết học, Lịch sử học, Địa lý nhân văn, Văn hóa học, Kinh tế chính trị học, Đạo đức học, Mỹ học, Lý luận về nhà nước và pháp quyền. . . là các ngành học trong hệ thống KHXH, nhưng chúng là những KH độc lập, có đối tượng, phương pháp nghiên cứu riêng, độc lập với XHH.

- Trong nghiên cứu XHH, có thể có ba mức độ (phạm vi) nghiên cứu:

+ Nghiên cứu cơ cấu tổng thể XH (chẳng hạn từ tính chất, đặc điểm của hình thái kinh tế xã hội mà chia thành XH nô lệ, phong kiến, tư bản... (nghiên cứu ở cấp độ này là nghiệm vụ của XHH vĩ mô).

+ Nghiên cứu sự vận hành của cơ chế XH, các tập hợp XH (nhóm, cộng đồng...) trong quá trình quản lý XH.

+ Nghiên cứu cá nhân với tư cách cách là con người XH trong các mối tương quan XH, đó là XHH vi mô.

*** Các cấp độ nghiên cứu của XHH:**

- XHH đại chúng: là cấp độ cơ bản của lý thuyết XHH, của KH về các quy luật hoạt động và phát triển XH, về mối liên hệ vốn có giữa các yếu tố hợp thành hệ thống XH.

- XHH chuyên ngành: là một bộ phận của XHH, trong đó áp dụng lý luận XHH vào nghiên cứu các mặt khác nhau, sự vận động và phát triển của XH trong một giới hạn xác định (nông thôn, đô thị, nông nghiệp, giới...)

+ XHH chuyên ngành là cấp độ KH nghiên cứu các mối quan hệ XH có tính chất

bộ phận phản ánh mối liên hệ khách quan giữa các mặt khác nhau của đời sống XH.

+ Lý luận XHH chuyên ngành là khâu trung gian gắn lý luận XHH đại cương với NC các hiện tượng của đời sống XH ở các mặt khác nhau.

+ XHH chuyên ngành có 4 nhóm:

Yếu tố XHH: văn hoá, cấu trúc XH, XH hoá, tương tác XH, sự lệch chuẩn, sự kiểm soát XH, các cộng đồng dân cư.

Bất bình đẳng XH: sự phân tầng của các giai cấp, bất bình đẳng dân tộc và chủng tộc, vai trò của giới và bình đẳng theo giới, bất bình đẳng theo lứa tuổi.

Thiết chế XH: gia đình, tôn giáo, giáo dục, chính trị, kinh tế

XH biến cách: tính năng động XH, hành vi tập thể, các phong trào XH, chuẩn mực XH, các biến đổi XH.

- XHH thực nghiệm (XHH cụ thể): là một bộ phận nghiên cứu XHH, trong đó các kết luận XHH về XH được rút ra từ trực tiếp quan sát, trải nghiệm, thực nghiệm, kiểm chứng thực tế đối với các đối tượng XH.

4. Chức năng của XHH :

- Nhận thức

- Thực tiễn

5. Tư tưởng

Nhiệm vụ của XHH

- Nghiên cứu các hình thức biểu hiện và cơ chế hoạt động của các quy luật hoạt động của xã hội, của phát triển xã hội nói chung.

- Phục vụ cho công tác tổ chức, quản lý XH trực tiếp và gián tiếp.

II. Các hình thức biểu hiện cơ bản của cấu trúc XH:

1. Cấu trúc XH - GC:

Là kết cấu và mối liên hệ XH giữa các giai cấp và phân chia GC dựa trên các yếu tố cơ bản như: quan hệ sở hữu về TLSX; vị trí XH của con người trong hệ thống sản xuất và tổ chức lao động XH; phân phối lợi ích XH; nghĩa vụ và quyền lợi của mọi người trong đời sống XH.

(Có thể xem cấu trúc này là hạt nhân của cấu trúc XH, bởi nó quy định bản chất và tính chất của các mối quan hệ và cấu trúc xã hội khác).

2. Cấu trúc XH - lao động (nghề nghiệp):

Là kết cấu và mối liên hệ giữa các lực lượng lao động, các ngành nghề lao động khác nhau trong xã hội, trên cơ sở của sự phát triển lực lượng sản xuất và phân công lao động XH.

(Là biểu hiện cụ thể của quá trình phát triển kinh tế của XH. Nó quan tâm đặc biệt tới mối liên hệ tác động lẫn nhau giữa các tập hợp lao động nghề nghiệp - lao động chân tay, lao động trí óc, lao động quản lý; giữa lao động thủ công và lao động kỹ thuật; lao động thực hành và lao động lý thuyết; lao động công nghiệp - lao động nông nghiệp - lao động dịch vụ) . **3. Cấu trúc xã hội - dân số:**

Là kết cấu và mối liên hệ XH trong thực tại của tái sản xuất nhân khẩu (mức sinh, mức tử) của tỷ lệ các mức tuổi, của chỉ số giới tính, của mật độ dân số, của biến động dân cư - di dân, của quy mô gia đình và quan hệ thế hệ (họ tộc). (Nó bị chi phối bởi bản chất, quy luật và thực trạng của tự nhiên, đồng thời nó bị chi phối và quy định bởi con người và xã hội).

III. Đặc điểm của cấu trúc XH:

Cấu trúc xã hội có những đặc điểm cơ bản sau:

1. Nó là một tập hợp các yếu tố tạo thành xã hội như (các nhóm xã hội, các tầng lớp XH, các giai cấp, các dân tộc, các cộng đồng XH, v.v...) được liên kết với nhau tổ chức một cách thống nhất. Sự liên kết này có tính bền vững tương đối phản ánh một kiểu loại XH xác định.

Nhiệm vụ của XHH khi nghiên cứu cấu trúc xã hội là phải tìm ra các yếu tố cấu thành xã hội. Các quy luật chi phối mối quan hệ giữa chúng và trật tự sắp xếp chúng theo thứ bậc)theo đặc thù riêng của kết cấu - tổ chức xã hội.

2. Cấu trúc xã hội tồn tại trong sự vận động, thống nhất biện chứng của hai thành phần chủ yếu tạo nên hệ thống XH, đó là các thành phần, tập hợp xã hội và các mối liên hệ tồn tại giữa các thành phần, tập hợp xã hội đó. Các thành phần, tập hợp XH có tính độc lập tương đối nhưng chỉ tồn tại nhờ các mối liên hệ, tác động lẫn nhau giữa chúng và ngược lại, những mối liên hệ XH chỉ tồn tại nhờ sự có mặt của các thành phần và tập hợp XH.

3. Cấu trúc xã hội với sự vận động biện chứng của hai thành tố nêu trên tạo nên cơ sở cho sự hiện diện của một xã hội tương ứng bao gồm trong nó những con người xã hội, vị thế và vai trò của nó trong xã hội, những nhóm XH và địa vị của mỗi giai cấp, các hành động và tương tác xã hội, các thiết chế XH, chuẩn mực XH, tổ chức XH, biến đổi và phát triển XH, và ngay cả những lĩnh vực cụ thể của XH như kinh tế, văn hoá, giáo dục, đạo đức, tôn giáo v.v... Tất cả những yếu tố xã hội tồn tại trong một cấu trúc XH cụ thể luôn vận động trong sự thống nhất và đôi khi có sự xung đột, tạo nên quá trình phát triển của mỗi hình thái cấu trúc xã hội xác định.

- Cấu trúc xã hội là một tổng thể các yếu tố, các thành phần của hệ thống XH nhờ sự liên kết có tính thống nhất bền vững tương đối, ổn định tạm thời. Các yếu tố, các thành phần, tạo nên nội dung của cấu trúc luôn biến đổi, còn các mối liên hệ giữa chúng - cấu trúc XH có khuynh hướng chủ đạo là ổn định và bền vững tương đối. Tuy nhiên, trong những chừng mực nhất định, khi nội dung xã hội biến đổi, đến một mức

độ nào đó, sẽ kéo theo sự biến đổi tương ứng của cấu trúc xã hội.

IV. Các hình thức biểu hiện cơ bản của cấu trúc xã hội:

1. Tập hợp xã hội:

Là một hình thức quan hệ XH giữa những con người XH theo nhu cầu, lợi ích và mục đích XH nhất định. Nó được thể hiện dưới các dạng:

- Nhóm XH: là một tập hợp XH, trong đó các cá nhân XH liên hệ với nhau theo những tính chất XH nhất định

+ Huyết thống, dòng họ: nhóm gia đình, nhóm họ tộc

+ Lứa tuổi hay giới tính: thanh niên, phụ nữ

+ Lao động nghề nghiệp: nông dân, kinh doanh

+ Chính trị hay tổ chức chính trị: giai cấp, ... chính trị

+ Văn hoá: NCKH, nghệ thuật

+ Chức năng XH: giáo dục, quản lý nhà nước

+ Vùng lãnh thổ: đô thị, nông thôn, đồng bằng, miền núi

. Về mặt lượng: nhóm có thể rất rộng; có thể rất hẹp; về thời gian, tồn tại trong thời gian dài: tạm thời

. Về chất: có nhóm phức tạp (dân tộc, quốc gia); có nhóm đơn giản: gia đình

. Khi nhu cầu, lợi ích của các thành viên trong nhóm không còn thống nhất, đã biến đổi, lúc đó cấu trúc XH trở nên lỏng lẻo, biến đổi và tự giải thể → biến dạng và biến mất của nhóm.

. Về hình thức: nhóm nhỏ (nhóm hẹp): là một tập hợp XH gồm ít người, trong đó các thành viên quan hệ trực tiếp, ổn định tương đối với nhau trên cơ sở những chuẩn mực, giá trị có tính sâu sắc, bền vững về tình cảm, về nhận thức, ý thức, hành động, hành vi.

Nhóm lớn (nhóm rộng): là một tập hợp nhiều thành viên quan hệ gián tiếp với nhau trên cơ sở những chuẩn mực phát triển giá trị XH chung có tính phổ quát về đời sống vật chất và đời sống văn hoá (quốc gia, dân tộc, vùng dân cư) .

(Theo các tiêu chí nhất định, còn có thể phân thành các loại nhóm: cặp nhóm: nhóm mẹ - nhóm con; nhóm chính - nhóm phụ; nhóm ổn định - nhóm biến động; nhóm tích cực - nhóm tiêu cực; nhóm truyền thống - nhóm hiện đại) . . .

- Cộng đồng XH: là một tập hợp XH, trong đó các cá nhân XH liên hệ với nhau theo những cơ sở, điều kiện tồn tại hoạt động nhất định, theo những quan niệm thống nhất về văn hoá, giá trị XH.

(Trình độ lao động sản xuất, mức sống vật chất, tinh thần, dân trí, giáo dục,

truyền thống lịch sử, lối sống; phong tục tập quán, tín ngưỡng, quan niệm chính trị đạo đức, pháp quyền, thẩm mỹ, tôn giáo, văn hóa, giáo dục v.v.)

. Về lượng: có thể rất rộng (khu vực châu lục); hẹp (làng xã, bộ tộc) Có cộng đồng được thành lập do nhiều cơ sở, điều kiện xã hội (cộng đồng quốc gia, vùng lãnh thổ). Có cộng đồng thành lập do một số cơ sở, điều kiện thống nhất (kinh tế, ngôn ngữ)

. Có cộng đồng được xác lập từ truyền thống lịch sử (dân tộc - sắc tộc) Có cộng đồng được xác lập theo nhu cầu lợi ích mới nảy sinh trong thực tại XH (cộng đồng chính trị, hội nhập- giao lưu văn hoá).

. Phân loại: về phạm vi quy mô (lớn, nhỏ)

- Tính chất hoạt động (kinh tế, văn hoá, chính trị, tôn giáo)

- Cơ sở điều kiện cấu thành cộng đồng có cộng đồng tự nhiên - XH (dân tộc, quốc gia, khu vực), cộng đồng văn hoá ý thức (văn hoá, ngôn ngữ).

- Tổ chức xã hội: là một tập hợp xã hội, trong đó các cá nhân XH liên hệ với nhau theo một mục tiêu chung, một hệ thống thứ bậc các thành viên và các cấp độ quản lý.

. Đặc trưng cơ bản nhất của tổ chức XH là mục tiêu XH (kinh tế, chính trị, văn hoá, đạo đức, khoa học, nghệ thuật).

* Liên hệ XH: là một yếu tố cơ bản của cấu trúc XH, trong đó các cá nhân tác động lẫn nhau một cách chủ động, có ý thức. Liên hệ XH được biểu hiện dưới những dạng cụ thể sau:

* Các địa vị (vị thế xã hội): địa vị theo cách hiểu thông thường đó là sự xác định thứ bậc của một cá nhân trong cộng đồng dựa trên một số cơ sở tiền đề, chẳng hạn như: cái có được về vật chất (tiền của), về ảnh hưởng và uy tín của họ với các cá nhân khác. Địa vị không chỉ tồn tại trong nhóm hoặc trong một XH nói chung mà nó còn được tồn tại trong những cấu trúc xã hội khác nhau, chẳng hạn như một cá nhân có thể có địa vị của một người mẹ, một người bạn, một giáo sư, một khách hàng v.v... tùy theo mối quan hệ của họ trong quá trình hoạt động. Điều đó có nghĩa là một địa vị không phải là một chiếm hữu cá nhân nhưng là một quan hệ với những người khác. Một số địa vị được quy định bởi nhóm xã hội (lứa tuổi, giới tính tôn giáo, chủng tộc, dòng dõi xuất thân v.v...) khiến cho cá nhân có các địa vị đương nhiên được xã hội thừa nhận: tuổi kết hôn; con trai, con gái; đệ tử, co chiến, cha cố; người da màu; tiểu nhân, quân tử v.v... Đây được coi là địa vị gán cho (các mối quan hệ XH gửi gắm cho mỗi cá nhân). Một số địa vị mà cá nhân đạt được nhờ sự nỗ lực của chính bản thân họ, đó chính là những địa vị đạt được (các chức vụ trong hệ thống quản lý; các chức danh trên con đường học vấn v.v...). Như vậy, mỗi cá nhân có thể chiếm giữ nhiều địa vị khác nhau vì mỗi địa vị có một sự phù hợp với những mối quan hệ xã hội mà cá nhân

đó tham gia. Tuy nhiên, một khi cá nhân chiếm giữ một tập hợp địa vị, thì địa vị nào có tác dụng quan trọng hơn cả, có khả năng làm lu mờ những địa vị khác của cá nhân, khi đó, địa vị quan trọng này được coi là địa vị chủ chốt.

2. Vai trò XH: Trên mỗi địa vị xác định, con người được xã hội trao cho các quyền, các nghĩa vụ và mong đợi ở họ thể hiện đúng địa vị mà họ có được. Tập hợp các mong đợi, các quyền, và những nghĩa vụ được gán cho một địa vị cụ thể nhằm xác định hành vi của mỗi cá nhân được gọi là vai trò. Những hoạt động thực tiễn của mỗi người nhằm khẳng định địa vị của mình trong các mối quan hệ XH được coi là quá trình thực hiện vai trò. Trong quá trình thực hiện này, cá nhân có thể đạt tới sự phù hợp giữa địa vị và vai trò, xong cũng có thể xảy ra trường hợp ngược lại (xuất hiện khoảng cách giữa sự mong đợi của XH và kết quả mà cá nhân đạt tới). Đây là điều thường thấy khi con người thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi mà XH mong đợi ở họ.

Một địa vị có thể bao gồm nhiều vai trò, tạo nên một tập hợp vai trò (địa vị của một đứa con trong gia đình trong quan hệ với cha mẹ, là người anh, người chị trong quan hệ với các em, là người chú, người bác trong quan hệ với họ tộc v.v...).

Sự tồn tại vai trò của cá nhân luôn luôn gắn bó và được quy định bởi hành động của người khác (không có nhân viên thì không có vai trò thủ trưởng, không có vợ thì không có vai trò của người chồng, không có người mua thì không có vai trò của người bán v.v...).

Sự tồn tại của vai trò còn liên quan tới những chuẩn mực xã hội, đó là những nghĩa vụ (là những hoạt động của cá nhân mà người khác có quyền đòi hỏi), đó là những quyền lợi (là những hoạt động mà cá nhân đòi hỏi người khác phải thực hiện). Như vậy, mỗi vai trò đều tồn tại trong nó một vai trò của người đáp ứng (nghĩa vụ đối với người khác) và tiếp nhận (quyền lợi mà người khác phải đáp ứng).

Trong thực tế, cá nhân ít khi chỉ đóng một vai trò duy nhất mà thường tham gia thực hiện một số vai trò nào đó. Khi thực hiện những vai trò này có thể xuất hiện những xung đột giữa việc tiếp nhận trong vai trò của quan hệ này với nghĩa vụ trong vai trò của một quan hệ khác (sự mong đợi tình cảm của người vợ trong mối quan hệ vợ chồng, với nghĩa vụ của người lính trong quan hệ của mình với đất nước), hoặc đôi khi vì thực hiện những vai trò được nhiều người mong đợi và bị đòi hỏi quá nhiều, cá nhân sẽ luôn ở trong trạng thái căng thẳng, đòi hỏi có sự nỗ lực vượt bậc mới có thể đảm bảo được vai trò mà mình đang đóng.

3. Các nhóm XH: Khi các cá nhân liên kết với nhau (ít nhất từ hai người trở lên) trên cơ sở của những tình cảm, những suy nghĩ tương đối thống nhất, có những hoạt động tương tác xã hội tương đồng nhằm đạt tới cùng một mục tiêu nào đó, khi đó sợi dây liên kết giữa cá nhân tạo nên một nhóm xã hội. Những nhóm XH này có các thuộc tính sau:

+ Các quan hệ giữa các vai trò được diễn ra trong những quy chuẩn phản ánh

quyền lợi và nghĩa vụ chung nhất của mọi thành viên thuộc nhóm (nhóm gồm những sinh viên có quyền lợi học tập nghề nghiệp, có nghĩa vụ thực hiện những quy định của nhà nước về đào tạo).

+ Mỗi nhóm có những giá trị và các chuẩn mực riêng về văn hoá mà mỗi cá nhân thuộc nhóm có trách nhiệm gìn giữ, hoàn thiện và phát triển.

Căn cứ vào các thuộc tính trên, các nhóm XH không phải là tập hợp tạm thời của một số cá nhân (cho dù tập hợp đó có cùng mục đích - chẳng hạn như xếp hàng mua vé xem phim; rủ nhau đi lễ hội...), nhóm XH cũng không phải là một loại (bao gồm tuổi, giới tính, chủng tộc, nghề nghiệp, học vấn). Những thành viên thuộc nhóm có thể khác nhau về loại như tuổi tác, giới tính, chủng tộc v.v... nhưng giữa họ vẫn tạo thành một liên kết nhờ ở họ có những thuộc tính chung như đã biết.

Mỗi cá nhân có thể thuộc về nhiều nhóm và ở trong mỗi nhóm, họ có những vai trò khác nhau. Tập hợp những người thực hiện những vai trò giống nhau ở nhiều nhóm tạo nên mạng lưới xã hội. Các mạng lưới XH bao gồm các vai trò trong gia đình, trong quan hệ bè bạn và láng giềng v.v... Nói cách khác, mạng lưới XH thu nạp những cá nhân có cùng chức năng, rất có lợi cho mỗi cá nhân và XH, bởi thông qua mạng lưới XH này, nguồn lực XH, kinh nghiệm XH, tri thức, thông tin được lan toả mỗi cá nhân này, từ nhóm này đến cá nhân và nhóm XH khác.

4. Các thiết chế xã hội: Thiết chế XH là các hình mẫu tương đối bền vững của tập hợp các vai trò, các nhóm và những hoạt động xã hội đáp ứng những nhu cầu cơ bản của xã hội, ứng với 5 nhu cầu cơ bản của XH: nòi giống, sinh tồn, tâm linh, quyền lực, phát triển sẽ là 5 thiết chế XH: gia đình; kinh tế; tôn giáo, chính trị; giáo dục.

Một thiết chế có thể thực hiện nhiều chức năng và một chức năng này thể do nhiều thiết chế cùng thực hiện. Chẳng hạn chức năng phát triển con người có thể được thực hiện bởi thiết chế gia đình và thiết chế giáo dục, hoặc chỉ riêng thiết chế chính trị đã chi phối cả chức năng kinh tế và giáo dục... _

Mỗi thiết chế đều chứa đựng trong nó một tập hợp các chuẩn mực, các giá trị và các biểu tượng (còn được gọi là các mẫu hình văn hoá) quy định các hành vi của mỗi cá nhân trong các mối quan hệ với những cá nhân cụ thể khác).

5. Giá trị xã hội: Giá trị XH là một hình thức liên hệ XH, trong đó cá nhân, tập hợp XH, được cả cộng đồng XH xem xét, định giá, xác định tác dụng của đối tượng - khách thể tồn tại trong XH đối với con người.

(Các giá trị XH là các đặc điểm, tính chất, các yếu tố cấu thành và biểu hiện của bản thân hiện tượng XH (đối tượng - khách thể XH).

Đối với chủ thể XH, các giá trị là những cái mang tính định giá, tính hiệu quả, tác dụng nhất định. (Bản thân đối tượng chưa phải là giá trị, song nó tiềm ẩn một nội dung định giá ngoài ý thức của chủ thể. Khi nào có sự gắn kết giữa ý thức của chủ thể với

nội dung tiềm ẩn này của đối tượng, giá trị mới xuất hiện).

Về cơ cấu giá trị XH thường có hai thành tố chủ yếu:

"Đối tượng giá trị" là các hiện tượng XH, bao gồm các hoạt động XH của cá nhân, nhóm XH, giai cấp, cộng đồng XH trong thực tại XH. Các hoạt động trên được thể hiện dưới các dạng vật thể và tinh thần. Các dạng trên chỉ trở thành đối tượng giá trị khi chúng được thu hút vào quỹ đạo quan hệ XH, vào sự xem xét, định giá, xác định tác dụng XH của chính con người và XH.

Chủ thể giá trị: là con người và XH nhận thức hiện tượng XH, định giá, nêu rõ tác dụng tích cực hay tiêu cực về mặt XH của hiện tượng đó theo những chuẩn mực, khuôn mẫu, quan niệm về nhu cầu, lợi ích, mục tiêu XH của mình.

Về phân loại giá trị XH, người ta thường dựa vào tác dụng đối với từng lĩnh vực riêng biệt của đời sống XH để chia ra các giá trị XH khác nhau: giá trị kinh tế; giá trị chính trị; giá trị giáo dục; giá trị văn hoá; giá trị khoa học; giá trị pháp luật; giá trị tôn giáo.

Dựa vào hiệu quả của giá trị vì phương diện lợi ích có thể chia bằng hai loại giá trị: giá trị vật chất; giá trị tinh thần.

Căn cứ vào sự phân chia các loại giá trị và căn cứ vào những tiêu chí về chức năng; về mức độ phổ biến hoặc về mức độ tác dụng, ý nghĩa XH, người ta có thể xác định chúng bằng những *"Hệ thống giá trị"*, hay *"thang giá trị"*.

Hệ thống giá trị là một hình thức của hệ thống XH (nói chung) của cấu trúc XH (nói riêng), trong đó thể hiện các cấp độ và mối liên hệ giữa các cấp độ đó của giá trị XH.

(Trong XH truyền thống Việt Nam: hệ thống giá trị: nhân - nghĩa - lễ - trí - tín). Việc xác định thang giá trị XH không chỉ phụ thuộc vào "đối tượng giá trị" mà còn chịu sự quy định của quan niệm, ý thức XH của cá nhân, của nhóm XH, của giai cấp của cộng đồng XH (cái chung của dân tộc)

(PK: nhất sĩ - nhì nông;

Người lao động: nhất nông - nhì sĩ)

* Giá trị XH có những đặc điểm sau:

Cơ sở của mọi giá trị XH là cơ sở kinh tế - xã hội, là "tất yếu kinh tế". Mọi giá trị XH chỉ là phản ánh điều kiện kinh tế, quan hệ sản xuất, tức là quan hệ XH vật chất cơ bản (nếu xem giá trị XH là biểu hiện quan hệ XH, thì nó không thể nằm ngoài sự quy định của quan hệ sản xuất với tình cảnh là "quan hệ cơ bản đầu tiên và quyết định tất cả mọi quan hệ khác")

Giá trị XH gắn liền với nhu cầu XH, lợi ích XH và mục đích XH.

(Một hiện tượng, quá trình, hoạt động XH chỉ được xem là "có giá trị", khi nó

được ra đời và đáp ứng làm thoả mãn những nhu cầu, lợi ích và mục đích của con người và XH).

Tính nhiều về, nhiều chiều, nhiều nội dung của nhu cầu, lợi ích và mục đích XH đã làm cho các giá trị trở nên phong phú, đa dạng, nhiều cấp độ, nhiều tính chất khác nhau, đồng thời sự có mặt của các giá trị còn phụ thuộc trực tiếp vào sự khác biệt của các chủ thể giá trị như cá nhân, nhóm, giai cấp, cộng đồng XH.

Thông qua nhu cầu, lợi ích và mục đích của mình, các chủ thể giá trị, định giá, xác định tác dụng XH của đối tượng không hoàn toàn đồng nhất, thậm chí đối lập, mâu thuẫn với nhau.

Một giá trị tích cực là giá trị cá nhân hài hoà với giá trị XH.

Giá trị đích thực là giá trị biểu hiện sự phát triển xã hội, phù hợp, đáp ứng được tiến bộ XH và mang tính nhân văn (với cách hiểu như vậy, giá trị XH có tính cách như là văn hoá).

Nói tới giá trị XH là nói tới mối quan hệ giữa giá trị XH - truyền thống và giá trị XH - tương lai. Mọi giá trị hiện hành đều hàm chứa dưới hình thức này hay hình thức khác "giá trị đã có" thông qua sự "lọc bỏ" cũng như tiềm ẩn trong nó "giá trị sẽ có" với tính cách là "mầm mống", "dự báo", "mong đợi".

6. Biến đổi XH: là một yếu tố cơ bản của cấu trúc XH, trong đó diễn ra quá trình thay đổi, chuyển hoá các chuẩn mực XH, khuôn mẫu XH, giá trị XH, liên hệ XH, hoạt động XH v.v... của các tập hợp XH và của cả một cộng đồng XH rộng lớn.

+ Bất cứ XH nào, cấu trúc XH nào đều luôn luôn ở trạng thái biến đổi

+ Biến đổi cấu trúc XH thường được thể hiện trong các thay đổi, chuyển hoá về liên hệ XH, trong mọi lĩnh vực của đời sống XH.

Chủ thể (và cũng là sản phẩm) của biến đổi XH, của biến đổi cấu trúc XH là con người XH, là các nhóm XH, các giai cấp XH, cộng đồng XH (quốc gia, khu vực, cộng đồng thế giới).

Biến đổi cấu trúc XH có những loại sau:

+ Biến đổi tập hợp: là biến đổi XH được diễn ra trong các tập hợp XH

nhất định. Đó là những thay đổi chỉ diễn ra trong phạm vi một nhóm XH nào đó; một cộng đồng, một tổ chức XH nào đó (khoán 10- nông dân; miễn đóng học phí SV sư phạm; giữ gìn bản sắc dân tộc trong hội nhập - cộng đồng các nước châu á; xoá đói giảm nghèo - hội nông dân Việt Nam...).

+ Biến đổi - liên hệ XH: là biến đổi được diễn ra trong các mối liên hệ XH nhất định (khách hàng là thượng đế); thầy và trò trong giáo dục v.v...

+ Dựa vào sự tương ứng giữa các biến đổi XH đối với nhau, có thể nêu ra các "cặp biến đổi XH" như: biến đổi lớn - biến đổi nhỏ; biến đổi lâu dài- biến đổi tạm

thời; biến đổi chi phối- biến đổi phụ thuộc; biến đổi tích cực- biến đổi tiêu cực.

+ Những biến đổi diễn ra trong các hình thức biểu hiện của cấu trúc XH (loại hình cơ cấu - phân hệ cơ cấu XH) thường được nhắc đến là: biến đổi cơ cấu giai cấp; biến đổi cơ cấu lao động; biến đổi cơ cấu dân số; biến đổi cộng đồng lãnh thổ.

+ Đặc điểm của biến đổi XH:

Các biến đổi của cấu trúc XH đều bị chi phối bởi tính chất, trình độ và cơ cấu của nền kinh tế.

Các biến đổi XH được diễn ra trong mối quan hệ biện chứng giữa các yếu tố khách quan (điều kiện vật chất kinh tế, yếu tố văn hoá truyền thống, những tác động nhiều mặt từ các XH bên ngoài, thực trạng môi trường sinh thái) và những nhân tố chủ quan (ý thức XH, tư tưởng- hệ tư tưởng; vốn văn hoá và trình độ dân trí, trình độ khoa học- kỹ thuật; năng lực hoạt động thực tiễn, tính năng động và tiềm năng sáng tạo v.v...).

(Quá trình biến đổi XH là quá trình chủ thể XH - con người bằng nhân tố chủ quan của mình tác động vào nhân tố khách quan của XH trong sự quy định của những quan hệ kinh tế vật chất. Sự biến đổi của cấu trúc XH nói riêng, của XH nói chung đều do con người; mọi biến đổi và phát triển XH đều được thực hiện bởi con người, nhân tố khách quan của XH tác động thông qua hoạt động con người. Ngày nay, do sự phát triển của chính bản thân con người, cùng với sự sáng tạo của nó trước hiện thực, vai trò của nhân tố chủ quan trong sự phát triển XH ngày càng tăng).

Các biến đổi XH diễn ra rất đa dạng, phức tạp.

Tính đa dạng biểu hiện ở chỗ nó diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau, theo các cách khác nhau và trong mọi lĩnh vực của cuộc sống XH. Các biến đổi XH diễn ra trong những điều kiện hoàn cảnh, thời gian cụ thể, khác biệt, tùy thuộc vào tính riêng biệt của chủ thể XH nhất định.

Tính phức tạp của biến đổi XH xuất phát từ chính quy luật phổ biến của tồn tại XH: đấu tranh XH là quy luật phổ biến trong mọi cộng đồng XH, là biểu hiện mâu thuẫn biện chứng của tồn tại XH.

Sự phân tích các yếu tố cấu thành cấu trúc XH giúp chúng ta đi tới những đặc trưng sau của cấu trúc XH.

Các yếu tố tạo thành cấu trúc XH luôn phụ thuộc vào nhau. Sự biến đổi của một yếu tố này dẫn tới sự thay đổi tương ứng của một yếu tố khác. Chẳng hạn tổ chức Đảng cộng sản là một nhóm XH mang tính quyết định tới vận mệnh chính trị của một số nước. Sự tan vỡ của nhóm XH này đã kéo theo sự sụp đổ của địa vị, của vai trò cá nhân, của các thiết chế XH, hay nói cách khác, nó kéo theo sự biến dạng của toàn XH.

- Các yếu tố thuộc cấu trúc XH liên kết với nhau tạo nên thế ổn định, cân bằng động cho hệ thống. Một khi có sự xáo trộn trong hệ thống, các yếu tố sẽ "biến đổi theo

xu hướng" lập lại một trạng thái ổn định khác. Cũng với ví dụ trên, sự xáo trộn của hệ thống chính trị xã hội XHCN đã kéo theo nó một sự biến đổi tương ứng đối với tất cả các yếu tố tạo thành hệ thống XHCN và chúng liên kết với nhau theo một trật tự mới, tạo cho XH có sự ổn định trở lại.

V. Con người xã hội

1. Quan niệm XHH về “con người XH” .

* Một số quan niệm về “con người XH”

- Các nhà XHH "duy tự nhiên" quan niệm rằng, sự phát triển của con người chịu sự quy định, quyết định của những yếu tố bản năng sinh học - tự nhiên vốn có ở con người (là những yếu tố thuộc cá thể động vật: cấu tạo cơ thể, gen di truyền, tính sinh hoá, tính dục và các điều kiện môi trường tự nhiên).

→ Tuyệt đối hoá cái sinh vật với cái XH trong con người

→ Chỉ thừa nhận cái sinh vật mới là "cái có thật" ở con

→ Cái sinh vật tạo ra, chi phối “cái XH” của con người

- Các nhà XHH "duy XH” lại cho rằng sự phát triển của con người chịu sự quy của các yếu tố XH (mối quan hệ giữa con người với con người; giữa nhân cách với môi trường XH).

+ Đó là những yếu tố: thực trạng XH; cơ cấu XH; chuẩn mực; thiết chế; giá trị XH và quá trình nhân cách được xã hội hoá.

→ Tuyệt đối hoá cái XH trong con người

→ Chỉ thừa nhận vai trò xã hội hoá con người - con người như là sản phẩm thuần tuý của XH.

- Các nhà triết học XH, tư tưởng văn hoá cổ điển phương đông quan niệm con người là hạt nhân của XH, quan hệ hoà hợp với thần linh, trời, đất; xem con người là vốn có phẩm chất XH (phẩm chất linh hồn, chính trị và đạo đức XH).

XH theo luồng tư tưởng này là cái quy định nhân cách con người (nhân cách được tạo bởi thần linh, đạo lý và sự giáo huấn XH). Quan niệm này đề cao vai trò tư tưởng chính trị, đạo đức, lý tưởng (luân lý), thiết chế thống trị hoặc đức tin tôn giáo được áp đặt toàn XH → con người là con người của xã tắc: làng xóm, tộc họ (có nghĩa là sản phẩm cá thể của một tập hợp người cố kết khá chặt chẽ với nhau).

* Khái niệm “con người xã hội” theo quan điểm Mác-xít..

- "Con người xã hội" là chủ thể của XH, đồng thời là sản phẩm của XH, sản phẩm của tự nhiên.

+ Tính chủ thể XH của con người là tính chủ thể của các mối quan hệ XH với những hoạt động XH, tương tác XH trong điều kiện của một hình thái kinh tế - xã hội,

cấu trúc XH nhất định.

. Con người với tư cách là chủ thể XH đã tạo ra đời sống XH (kinh tế, chính trị, đạo đức . . .)

. Con người với tư cách là chủ thể XH là điểm xuất phát, đầu mối, nội dung, động lực và mục đích của XH.

. Con người với tư cách là chủ thể XH đã xây dựng nên những tổ chức XH, thiết chế XH, chuẩn mực XH, kiểu loại - hình thái XH với những tầng lớp (nhóm, cộng đồng giai cấp trong XH).

. Con người với tư cách là chủ thể XH đã tạo ra mọi biến đổi XH

(Nói con người là chủ thể XH tức là xem con người từ những quan hệ XH và bằng những hoạt động thực tiễn tạo nên XH, qua đó con người trở thành con người XH).

- Con người XH là sản phẩm XH:

+ "Tính sản phẩm XH" của con người là tính sản phẩm của những quan hệ XH do chính con người tạo nên với những hoạt động XH, tương tác XH trong điều kiện của một hình thái kinh tế - xã hội, cấu trúc XH nhất định.

+ Tính chủ thể XH và tính sản phẩm của con người XH có mối quan hệ biện chứng. (Con người tạo ra XH bằng hoạt động XH, tương tác XH, tổ chức XH, thiết chế XH vừa chịu sự quy định, chi phối của chính những cái do mình tạo nên).

+ Đối với XHH, con người XH là "tế bào" hạt nhân - trung tâm của toàn bộ XH nói riêng.

+ Con người XH là đơn vị nhỏ nhất trong quan hệ XH, hệ thống XH và cấu trúc XH. Đó chính là mỗi cá nhân - nhân cách mang tính XH nhất định.

+ Cá nhân là một con người XH riêng biệt tồn tại trong XH. Mỗi cá nhân là một chỉnh thể người đơn nhất bao gồm cả một hệ thống những yếu tố, đặc điểm cụ thể, riêng biệt khác biệt với những cá nhân khác về cơ thể sinh vật, tâm lý, tư tưởng, văn hoá, hoàn cảnh sống.

Mỗi cá nhân tự xác định bản thân trong quan hệ với những cá nhân khác, với XH nói chung nhờ những yếu tố, đặc điểm riêng của mình.

+ Nhân cách là thế giới bên trong, chiều sâu bản chất của cá nhân với toàn bộ hoạt động sống của nó.

. Nhân cách là cốt lõi, hạt nhân, là đặc điểm về chất của con người XH, của cá nhân.

. Nhân cách là cá nhân đã có sự phát triển ở mức độ nhất định về mặt XH, là kết quả của quá trình XH hoá cá nhân và cá nhân mang tính "con người XH " .

. Nhân cách là một cá nhân có năng lực tự ý thức, có đặc điểm sinh lý, tâm lý, có phẩm chất XH (với nội dung, tính chất, trạng thái, biểu hiện và xu hướng thuộc bên trong con người mang tính riêng biệt nhất định của cá nhân; như vậy, ngoài yếu tố cơ sở sinh lý, thể chất cơ thể, nhân cách chính là chủ thể của các mối quan hệ XH và cũng chính là sản phẩm của xã hội hóa cá nhân).

. Nhân cách mang "cái chung của con người XH", đại diện cho những quan hệ XH, thông qua liên hệ nhóm, tầng, giai cấp, cộng đồng, hệ thống XH, cơ cấu XH, thực tại XH nói chung. Cái chung này của nhân cách thuộc cá nhân, trở thành "nhân cách XH" vì thế cá nhân xã hội và cá nhân nhân cách là một thể thống nhất. Sự thống nhất biện chứng này đã tạo cho con người XH trở thành "cá nhân - nhân cách" tồn tại trong thực tại XH nhất định.

+ Nói tới cá nhân - nhân cách tức cũng là nói tới cái "tôi". XHH xem cái tôi là nhân tố cốt lõi, trung tâm tinh thần của nhân cách - cá nhân, là cái đã được cá nhân hoá, cá tính hoá nằm ở bên trong nhân cách - cá nhân.

+ Cái tôi là yếu tố bản chất, hạt nhân có tính quy định đối với nhân cách, thuộc thể giới bên trong của nhân cách.

+ Cái tôi quy định tính chất và mức độ của nhân cách - cá nhân; xác định mục đích XH, hoạt động XH, xu hướng và nội dung, phương hướng tự ý thức của nhân cách - cá nhân; xây dựng định hướng giá trị xã hội, chuẩn mực XH của nhân cách - cá nhân trong quan hệ với XH.

+ Cái tôi là cơ sở của sự tự định giá bên trong của sự xác định tính riêng biệt của nhân cách - cá nhân.

+ Về mặt khách quan, cái tôi được tạo nên do những tác động tổng hợp của các nhân tố sinh học - cơ thể và điều kiện xã hội. Quan hệ XH hết sức riêng biệt đối với cá nhân.

+ Về mặt chủ quan, sự hình thành cái tôi liên quan chặt chẽ với hoàn cảnh sống, hoạt động sống và vốn văn hoá, tri thức... của cá nhân.

(Cái Tôi chính là biểu hiện đậm nét nhất cái XH được chuyển thành cái riêng, cái cá nhân, cái đơn nhất. Cái Tôi nằm trong mối liên hệ giữa xã hội hóa cá nhân và cá nhân hoá XH. Thông qua hoạt động thực tiễn XH, con người xác định được cá nhân - nhân cách - cái tôi).

- XH bao giờ cũng là một tập hợp những cá thể người, một tổng thể, hệ thống và cấu trúc gồm những con người cụ thể riêng biệt với tư cách là những cá nhân - nhân cách nhất định.

(Từ nhân cách của mình, mỗi cá nhân có năng lực tự ý thức, tự định hướng mục tiêu nhất định. Cũng chính từ nhân cách, những nhu cầu, lợi ích và mục đích của XH mới tìm thấy chỗ đứng trong nhu cầu, lợi ích và mục đích của cá nhân. Sự thống nhất,

hài hoà giữa cái XH và cái cá nhân sẽ tạo ra động lực nội tâm và mục tiêu tư tưởng để cá nhân vươn tới thực hiện những cái cần có cho cả cá nhân cũng như cho cả XH.

Chính cá nhân - nhân cách có khả năng lựa chọn, điều chỉnh, chủ động tích cực và tự chịu trách nhiệm trước những hành động, tương tác XH của mình khi thực thi những nhu cầu, lợi ích và mục đích nói trên. Như thế, để có được một XH tiến bộ, phát triển, con người cần phải xây dựng những nhân cách, những cá nhân phát triển thế giới bên trong với tình cảm, tư tưởng, trí tuệ sâu sắc, sáng tạo).

- Việc xem xét "con người XH" gắn liền với việc xem xét "cá nhân - nhân cách". Nếu "con người xã hội" là cái chung và cá nhân - nhân cách là cái riêng thì cái chung chỉ tồn tại trong cái riêng, thông qua cái riêng. XH tồn tại ở những cá nhân, đồng thời cá nhân tồn tại trong mối liên hệ XH.

2. Các yếu tố cơ bản của "con người xã hội".

. Ý thức XH:

+ Ý thức XH là một thuộc tính, một đặc điểm của con người XH (mọi quan hệ XH, hành động XH, tương tác, giao tiếp XH đều chịu sự điều khiển, định hướng trực tiếp của ý thức XH).

+ Ý thức XH là nội dung của tự ý thức.

+ Sự tồn tại của ý thức XH gắn liền với hoạt động thực tiễn lịch sử, chịu sự chi phối của điều kiện, quy luật sinh học và đặc biệt là các điều kiện, quy luật XH, do nhu cầu, lợi ích XH và hoàn cảnh, sinh hoạt thực tại của con người quy định. Có thể nói: ý thức của con người luôn luôn mang bản chất XH, tính chất XH. Con người XH là con người có ý thức XH.

+ Ý thức XH là một thuộc tính của con người XH, bao gồm thế giới quan, quan niệm, hệ tư tưởng, tri thức, ý chí, tình cảm tương ứng với một thực tại XH nhất định.

+ Thế giới quan, quan niệm, hệ tư tưởng là cơ sở hạt nhân của ý thức XH, đóng vai trò quyết định và chi phối các thành phần khác.

+ Tri thức vừa là nội dung cơ bản, vừa là thước đo trình độ, mức độ của ý thức XH.

+ Ý chí thể hiện xu hướng, mong muốn tự giác nhằm thực hiện một hoạt động nhất định trong XH và nó được coi như động lực bên trong của ý thức.

+ Tình cảm giúp con người có được những cảm xúc khi tìm tòi tri thức. Mỗi thành phần khác nhau của ý thức XH chỉ trở thành thành phần của ý thức hoạt động khi chúng được chuyển vào tình cảm.

- Về cấp độ và kiểu dạng của ý thức XH có thể phân chia thành 3 dạng:

+ Dạng chung: chủ thể mang ý thức XH là mọi con người XH, tồn tại và phát triển thông qua ý thức XH của các cá nhân, các nhóm, các tập đoàn, các tầng lớp, các

giai cấp trong XH.

+ Dạng riêng: là ý thức XH của cá nhân, trong đó nó vừa mang những nội dung nhất định của ý thức XH chung, vừa chứa đựng những yếu tố riêng lẻ vốn chỉ thuộc về ý thức của cá nhân không được lặp lại ở bất cứ cá nhân nào khác.

(Như thế, không thể đồng nhất ý thức XH chung và ý thức XH riêng; không thể xem ý thức của cá nhân là một bộ phận của ý thức chung XH).

+ Dạng trung gian: là ý thức XH của nhóm XH, của giai cấp, của mỗi thành phần XH trong hệ thống XH nhất định, trong đó ý thức XH của nhóm, giai cấp v.v... vừa mang ý thức chung của XH, vừa mang ý thức XH của riêng nhóm, giai cấp.

Ý thức XH chung chỉ tồn tại và thông qua ý thức XH cá nhân, nhóm, giai cấp ...

Ý thức nhóm, giai cấp là sự nhất trí, là tinh hoa của ý thức các thành viên trong nhóm, giai cấp.

Năng lực lao động khả năng hoạt động thực tiễn được xem là đặc trưng cơ bản. quyết định của con người XH..

+ Hoạt động thực tiễn là hoạt động vật chất, cảm tính có mục đích, có tính lịch sử - xã hội của con người, nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội.

+ Hoạt động thực tiễn là dạng hoạt động cơ bản của XH, của loài người.

+ Hoạt động thực tiễn là nhân tố xác định có tính chất quyết định đối với phẩm chất XH, địa vị XH, vai trò XH và giá trị XH của cá nhân.

+ Hoạt động thực tiễn là hoạt động sáng tạo của con người, vì thế nó phụ thuộc vào năng lực tham gia lao động XH và hiệu quả của nó đối với sự phát triển XH.

+ Bản thân hoạt động thực tiễn mang tính XH, vì thế sự tham gia hoạt động thực tiễn của mỗi cá nhân trở thành cơ sở, thước đo tính chất Xh trong nhân cách của họ.

+ Từ hoạt động thực tiễn, con người sáng tạo bản thân mình, sáng tạo XH, tạo lập giá trị cho mình và cho XH.

(Các quan hệ XH, cấu trúc XH, hệ thống XH cũng được xem xét, định giá trên cơ sở của thực tiễn)

+ Thực tiễn là một hệ thống phức tạp, hoàn chỉnh, bao gồm trong nó các yếu tố như nhu cầu, lợi ích, mục đích, hành vi, phương thức, hình thức hoạt động sáng tạo, do đó, hoạt động thực tiễn của cá nhân liên quan chặt chẽ đến tính chất, mức độ phát triển của cá nhân - nhân cách.

Quan hệ XH của con người XH là yếu tố cơ sở quy định XH và nội dung con người XH.

(K.Marx viết: “XH không phải là những cá thể người, mà là biểu hiện của tổng số những mối liên hệ và quan hệ của chúng, trong đó những cá thể đó tồn tại với nhau”;

"Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà những mối quan hệ XH").

+ Chính quan hệ XH của toàn Xh và quan hệ của mỗi cá nhân tạo ra đặc trưng của XH và xác định đặc điểm của mỗi cá nhân.

+ Mỗi cá nhân - nhân cách - cái tôi cũng chỉ thông qua quan hệ XH mới tiếp nhận "xã hội hoá" và tác động trở lại XH bằng "cá nhân hoá".

+ Một XH tiến bộ, phát triển là XH mà trong đó các quan hệ Xh được hình thành một cách hợp lý, hài hoà và nhân văn trong mọi lĩnh vực. Vì thế chất lượng các quan hệ XH cần được đặt ra trong sự phát triển chung của mọi chế độ XH.

3 . Con người và xã hội

* Con người và quan hệ XH:

- Bản chất XH của con người, trước hết được thể hiện trong mối quan hệ hữu cơ với đồng loại - cộng đồng. Đó là: *môi trường sống- xã hội*, những giá trị XH về sinh hoạt, lối sống, lập trường công dân, thế giới quan, tri thức khoa học đều là những điều kiện khách quan, tất yếu tạo nên con người - nhân cách.

Hoạt động thực tiễn của cá nhân trong XH là điều kiện cơ bản nhất để "cá nhân hoá", "tôi hoá" cá thể người để trở thành một con người cụ thể trong mối quan hệ với đồng loại.

- Quan hệ XH trong cộng đồng người mà trong đó cá nhân tồn tại gồm: cộng đồng giai cấp, cộng đồng dân tộc, cộng đồng quốc gia, cộng đồng nhân loại. Chính quan hệ giữa các cộng đồng đã ra đời và tồn tại cùng với quá trình sản sinh và tái sản xuất những con người.

(Con người vừa là một thành viên, vừa là chủ thể của một cộng đồng giai cấp, của một cộng đồng dân tộc, của một cộng đồng quốc gia, của một cộng đồng nhân loại).

+ Bản chất hiện thực của một con người là dung hoà những quan hệ XH: cái XH được hoá thân thành "cái cá nhân"; các quan hệ XH, các giá trị XH được chuyển thành nhân cách, thành cái tôi bằng hoạt động thực tiễn và các quan hệ khác với XH của mỗi cá nhân. Mỗi cá nhân mang một nhân cách riêng, có khả năng tự ý thức, có mục đích nhất định, có năng lực và trách nhiệm hoạt động XH. Cá nhân khẳng định mình là khẳng định trong quan hệ XH, trong sự tác động chủ động, tích cực vào XH.

(Mục đích XH chỉ có thể thực hiện được với sự nỗ lực của mỗi cá nhân, của mỗi con người XH. Sự phát triển XH, tiến bộ XH bắt nguồn từ sự phát triển, tiến bộ của từng cá nhân trong những quan hệ xã hội của nó). ,

"Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người" (K.Marx, F.Engels)

+ Tồn tại người là tồn tại vừa mang tính lịch sử, vừa mang tính thời đại, vì vậy con người cũng mang tính lịch sử, tính thời đại.

- *Cấu trúc XH và con người cụ thể*

Con người trong một cấu trúc XH nhất định là một tế bào, một mắt xích trong hệ thống XH, trong cấu trúc và quan hệ XH.

Con người giữ vị trí, vai trò quyết định trong cấu trúc XH, đồng thời cấu trúc XH được biểu hiện như một tổng hoà các quan hệ XH và tác động tích cực đến con người, đến cá nhân - nhân cách cụ thể.

Con người là chủ thể của bất cứ hệ thống, cấu trúc XH nào.

Con người, cá nhân cụ thể tồn tại trong mối quan hệ hữu cơ với hệ thống XH, cơ cấu XH. Nó vừa là hạt nhân, nhân tố trung tâm, tế bào của hệ thống- cơ cấu XH, lại vừa là sản phẩm, nhân vật bị phụ thuộc vào chính cái hệ thống - cơ cấu XH đó.

Cá nhân là một thực thể XH, vì vậy, bất cứ một sự biểu hiện nào của đời sống anh ta cũng là sự biểu hiện và khẳng định đời sống XH) ngay dù cho nó không xuất hiện dưới hình thức trực tiếp của cái tập thể được thực hiện cùng với các cá nhân khác" (K.Marx)

Tính giai cấp trong con người cụ thể

- Trong XH có giai cấp, con người tồn tại trong quan hệ giai cấp, trong mối quan hệ chính thể giữa tính giai cấp và nhân cách - cái "tôi" của con người cụ thể, nhất định.

- Điều cơ bản, chủ yếu của mối quan hệ giữa giai cấp và con người cụ thể là lợi ích.

- Nếu không có con người trừu tượng, không có nhân cách - cá nhân, ở bên ngoài XH, thì tính giai cấp trong từng con người cụ thể cũng không phải là tính trừu tượng.

Tính giai cấp là cái đã trở thành nhân tố, cái thể hiện nội tại của con người - nhân cách, nó không bị gán ép từ bên ngoài mà tồn tại trong mỗi con người cụ thể.

4. Xã hội hoá

* Một số quan niệm XHH về "xã hội hoá".

- Một số nhà XHH hiện đại dựa vào vai trò, tác động, quy định của XH đối với con người, đã xem XHH như là một quá trình XH "áp đặt" cho các cá nhân những khuôn mẫu chuẩn mực, giá trị đã được XH xây dựng, thừa nhận.

(Cá nhân chỉ có thể chấp nhận chứ không được lựa chọn, nhờ đó mà họ thích nghi, tồn tại được trong XH).

- Một số nhà XHH khác dựa trên vai trò của cá nhân trong quan hệ XH, đã xem quá trình XHH như là sự phát huy tính tích cực của cá nhân trong tương tác giữa các cá nhân để dẫn đến chuẩn mực, khuôn mẫu, hành động mà con người cần phải chấp

thuận.

- Các nhà triết học phương đông cổ đại thường xem con người là do “thiên mệnh” và con người phải tuân theo “thiên mệnh” đó bằng cách chấp thuận vô điều kiện những chuẩn mực, trật tự, khuôn mẫu được ấn định sẵn cho mọi người, cho từng loại người trong XH.

* Dựa vào các quan niệm nêu trên, chất lọc lấy những tinh hoa ở đó, chúng ta có thể coi XHH là quá trình hai mặt: một mặt cá nhân chấp nhận kinh nghiệm XH bằng cách thâm nhập vào môi trường XH, vào hệ thống các quan hệ XH. Mặt khác, cá nhân tái sản xuất một cách chủ động hệ thống các mối quan hệ XH thông qua chính việc nó tham gia vào các hoạt động và thâm nhập vào các mối quan hệ XH.

(Như vậy, có thể xem XHH là một quá trình kép và cả chủ thể - xã hội, cả chủ thể - cá nhân tác động lẫn nhau để XHH con người).

- XHH là một quá trình xã hội, trong đó XH và cá nhân tác động lẫn nhau để con người có tính XH thông qua việc xây dựng và chấp nhận, thực thi những chuẩn mực XH, khuôn mẫu và giá trị XH trong quan hệ XH, hệ thống XH.

- XHH bao gồm hai mặt của một quá trình thống nhất:

+ XH, quan hệ giữa các chủ thể XH đã tác động đến cá nhân hiện thực để nó trở thành con người XH.

+ Cá nhân hiện thực tham gia vào quá trình XH để học cách sống và chủ động tích cực tác động vào quá trình xây dựng, phát triển quan hệ XH, hệ thống - cơ cấu XH.

Đó là một quá trình liên hệ biện chứng giữa cá nhân trong xã hội trên cơ sở của mục tiêu: con người trở thành con người XH. Đó chính là quá trình XHH cá nhân và quá trình cá nhân hoá XH.

Xã hội hoá cá nhân

- XHH cá nhân là một quá trình XH, trong đó các chủ thể XH thông qua các QHXX, HTXH, cơ cấu XH làm cho cá nhân thừa nhận, tiếp nhận, thực thi các kinh nghiệm XH, giá trị XH, khuôn mẫu XH.

- Chủ thể của XHH cá nhân là chủ thể của các tập hợp XH (nhóm XH, gia đình, nhà trường, giai cấp, cộng đồng dân tộc, quốc gia và cộng đồng một loại). Đối tượng của XHH cá nhân là con người cụ thể, cá nhân - nhân cách và cả cái tôi.

- Nội dung chủ yếu, cơ bản của XHH cá nhân là làm cho cá nhân mang tính XH, xác định được những quan hệ XH theo các chuẩn mực, khuôn mẫu XH, giá trị XH, kinh nghiệm XH đã được các tập hợp XH thừa nhận, nhờ đó cá nhân mới có thể tiếp nhận, thực thi theo đúng chuẩn XH.

(Con người cụ thể chỉ có thể xác lập được địa vị, vai trò XH, chức năng XH,